

**BYK-SILCLEAN 3725**

Mã sản phẩm: 000000000000131356

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2025/01/07

Ngày in 2025/07/14

**1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : BYK-SILCLEAN 3725

Kiểu ứng dụng (sử dụng) : Surface Additive

**Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)**

Công ty : BYK-Chemie GmbH

Địa chỉ : Abelstrasse 45  
46483 Wesel

Điện thoại : +49 281 670-23532

Telefax : +49 281 670-23533

Địa chỉ e-mail : GHS.BYK@altana.com

Số điện thoại liên hệ trong : +84 28 4458 2388 (Tiếng việt và tiếng anh)  
trường hợp khẩn cấp +65 3158 1074 (All languages)**2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT****Phân loại theo GHS**

Chất lỏng dễ cháy : Cấp 4

**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ : Không có gì

Từ cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H227 Chất lỏng dễ cháy.

Các lưu ý phòng ngừa :

**Biện pháp phòng ngừa:**P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. -  
Không hút thuốc.P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/  
bảo vệ mặt.**Biện pháp ứng phó:**P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất  
khô hoặc bọt chịu cồn để dập tắt.**Lưu trữ:**

P403 Lưu giữ ở nơi thoáng khí tốt.

**Việc thải bỏ:**P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại  
cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.**Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)**

Không có thông tin.

**3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT**

BYK-SILCLEAN 3725

Mã sản phẩm: 000000000000131356

Phiên bản 2.0 SDS\_VN Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2025/01/07 Ngày in 2025/07/14

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất  
Bản chất hóa học : Polyether modified dimethylpolysiloxane

Thành phần nguy hiểm

|                                   |            |                 |
|-----------------------------------|------------|-----------------|
| Tên hóa học                       |            |                 |
| Tên hóa học                       | Số CAS     | Nồng độ (% w/w) |
| Dipropylene glycolmonomethylether | 34590-94-8 | >= 50 - <= 100  |

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.  
Trường hợp tai nạn tiếp xúc : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y theo đường hô hấp tế.  
Nếu các triệu trứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.  
Trường hợp tai nạn tiếp xúc : Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.  
trên da Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.  
Trường hợp tai nạn khi tiếp : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.  
xúc với mắt Gỡ bỏ kính áp tròng.  
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.  
Mở rộng mắt khi rửa.  
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.  
Trường hợp tai nạn theo : Giữ sạch đường hô hấp.  
đường tiêu hóa Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.  
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.  
Nếu các triệu trứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.  
Các triệu chứng/tác hại : Không có thông tin.  
nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này  
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Không có thông tin.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy : Carbon đioxit (CO2)  
thích hợp Hóa chất khô  
Các phương tiện chữa cháy : Tia nước dung tích lớn  
không thích hợp  
Các chất độc được sinh ra : Carbon ôxit  
khi bị cháy Silicon ôxit  
Các phương pháp cứu hỏa : Vì lý do an toàn trong trường hợp hỏa hoạn, các thùng chứa cần được lưu giữ riêng rẽ trong các ngăn kín.  
cụ thể Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa kín hoàn toàn.  
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.  
cho lính cứu hỏa

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.  
trình ứng phó sự cố  
Các cảnh báo về môi trường : Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm

BYK-SILCLEAN 3725

Mã sản phẩm: 000000000000131356

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2025/01/07

Ngày in 2025/07/14

này an toàn.

Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Kiểm chế chất tràn đổ, sau đó thu gom bằng vật liệu thấm không cháy (e.g. cát, đất, đất diatomit, chất khoáng) và giữ trong thùng chứa để tiêu hủy theo quy định nhà nước/địa phương (xem phần 13).  
Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Không được phun lên ngọn lửa trần hoặc các vật liệu nóng sáng khác. Đề xa các ngọn lửa trần, các bề mặt nóng và các nguồn gây cháy.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Tránh tạo ra aerosol.  
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.  
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.  
Cung cấp đủ sự trao đổi không khí và/hoặc ống xả khí trong các phòng làm việc.  
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Không hút thuốc.  
Đề tại nơi thông gió tốt.  
Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.  
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

| Thành phần                        | Số CAS     | Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm) | Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép | Cơ sở |
|-----------------------------------|------------|--------------------------------|-------------------------------------------|-------|
| Dipropylene glycolmonomethylether | 34590-94-8 | TWA                            | 50 ppm                                    | ACGIH |

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ tay  
Vật liệu : cao su butyl  
Thời gian thấm : > 480 min

Ghi chú : Mang găng tay thích hợp.

Bảo vệ mắt : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết  
Kính bảo hộ vừa khít

Bảo vệ da và cơ thể : Quần áo không thấm.  
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh : Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

**BYK-SILCLEAN 3725**

Mã sản phẩm: 000000000000131356

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2025/01/07

Ngày in 2025/07/14

|                                |                                                                                                |
|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trạng thái                     | : thể lỏng                                                                                     |
| Màu sắc                        | : slightly yellow – light brown                                                                |
| Mùi đặc trưng                  | : không quan trọng                                                                             |
| Ngưỡng mùi                     | : chưa có dữ liệu                                                                              |
| Độ pH                          | : 6 - 7 (20 °C)<br>Nồng độ: 1 %<br>Phương pháp: Universal pH-value indicator                   |
| Điểm/ khoảng nóng chảy         | : < 0 °C<br>(1.013 hPa)<br>Phương pháp: derived                                                |
| Điểm sôi/khoảng sôi            | : Khoảng 190 °C<br>(1.013 hPa)<br>Phương pháp: derived                                         |
| Điểm cháy                      | : 78 °C (1.013 hPa)<br><br>Phương pháp: 49 (Pensky-Martens)                                    |
| Tỷ lệ hóa hơi                  | : chưa có dữ liệu                                                                              |
| Tính dễ cháy (chất lỏng)       | : Duy trì sự cháy                                                                              |
| Giới hạn trên của cháy nổ      | : chưa có dữ liệu                                                                              |
| Giới hạn dưới của cháy nổ      | : chưa có dữ liệu                                                                              |
| Áp suất hóa hơi                | : < 1 hPa (20 °C)<br>Phương pháp: derived                                                      |
| Tỷ trọng hơi tương đối         | : chưa có dữ liệu                                                                              |
| Khối lượng riêng               | : Khoảng 0,97 g/cm <sup>3</sup> (20 °C, 1.013 hPa)<br>Phương pháp: 4 (20°C oscillating U-tube) |
| Độ hòa tan                     |                                                                                                |
| Độ hòa tan trong nước          | : không tan                                                                                    |
| Hệ số phân tán: n-octanol/nước | : chưa có dữ liệu                                                                              |
| Nhiệt độ tự cháy               | : > 200 °C (1.013 hPa)<br>Phương pháp: DIN 51 794/ DIN prEN 14 522                             |
| Độ nhớt                        |                                                                                                |
| Độ nhớt, động lực              | : Khoảng 36 mPa.s (20 °C)<br>Phương pháp: P/K 20°C                                             |
| Độ nhớt, động học              | : chưa có dữ liệu                                                                              |
| Sức căng bề mặt                | : Không áp dụng được                                                                           |

**10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT**

BYK-SILCLEAN 3725

Mã sản phẩm: 000000000000131356

Phiên bản 2.0 SDS\_VN Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2025/01/07 Ngày in 2025/07/14

|                                                             |   |                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------------------|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khả năng phản ứng                                           | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.                                                             |
| Tính ổn định                                                | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.                                                             |
| Phản ứng nguy hiểm                                          | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.<br>Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí. |
| Các điều kiện cần tránh                                     | : | Nhiệt, lửa và tia lửa.                                                                                               |
| Vật liệu không tương thích                                  | : | Các chất oxy hóa mạnh<br>Các axit mạnh và bazơ mạnh                                                                  |
| Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy | : | Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.                                                             |

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Ăn mòn/kích ứng da

Thành phần:

Dipropylene glycolmonomethylether:

Loài: Thỏ  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404  
Kết quả: Không gây kích ứng da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Thành phần:

Dipropylene glycolmonomethylether:

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

Kích thích hô hấp hoặc da

Thành phần:

Dipropylene glycolmonomethylether:

Kết quả: Không gây kích ứng da.

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc môi trường

Sản phẩm:

Độc đối với cá : Ghi chú: chưa có dữ liệu

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**BYK-SILCLEAN 3725**

Mã sản phẩm: 000000000000131356

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2025/01/07

Ngày in 2025/07/14

xương sống thủy sinh khác

**Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy****Sản phẩm:**

Tính phân hủy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Thành phần:****Dipropylene glycolmonomethylether:**

Tính phân hủy sinh học : hiều khí  
Kết quả: Dễ phân huỷ sinh học.  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301F  
GLP: có

**Khả năng tích lũy sinh học****Sản phẩm:**

Tính tích lũy sinh học : Ghi chú: chưa có dữ liệu

**Thành phần:****Dipropylene glycolmonomethylether:**

Hệ số phân tán: n- : log Pow: 0,004  
octanol/nước  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107  
GLP: có

**Độ linh động trong đất**

chưa có dữ liệu

**Các tác hại khác****Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

**13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ****Các biện pháp thải bỏ**

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải  
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ  
thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa  
đã qua sử dụng  
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Bao bì nhiễm độc : Loại bỏ các thành phần còn lại.  
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.  
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.  
Không sử dụng hoặc đốt đèn trên thùng rỗng.

**14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN****Quy định Quốc tế**

**BYK-SILCLEAN 3725**

Mã sản phẩm: 000000000000131356

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2025/01/07

Ngày in 2025/07/14

**UNRTDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**IATA-DGR**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**Mã IMDG**

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

**Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC**  
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

**15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT****Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

**16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT****Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống hài hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECL - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

**BYK-SILCLEAN 3725**

Mã sản phẩm: 000000000000131356

Phiên bản 2.0 SDS\_VN

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần  
nhất 2025/01/07

Ngày in 2025/07/14

---

Các thông tin này dựa trên hiểu biết hiện nay của chúng tôi do đó không chắc chắn đối với một số đặc tính nhất định.